

Bản án số: 1229/2024/HC-PT

Ngày: 28 - 11 - 2024

V/v: “Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực đất đai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Anh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 660/2024/TLPT-HC ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 11/2024/HC-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3067/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Bình G, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Số A Quốc lộ B, tổ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Văn Ú – Đoàn luật sư tỉnh Đ (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Đ

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Đoàn Văn P – Phó chủ tịch (có mặt);

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

1/Ông Nguyễn Trọng T (có mặt);

2/Ông Nguyễn Văn T1 (có mặt);

3/Ông Nguyễn Huy L (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ban Quản lý các tồn tại, vướng mắc của Công trình thủy điện Đ 3&4 (Ban 666);

Địa chỉ: Khu C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng T – Phó trưởng ban (có mặt).

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Bình G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Bình G trình bày:

Ngày 16/3/2005, ông G nhận chuyển nhượng của ông K'N D (cư trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ) một lô đất rẫy diện tích 10,2ha; đến ngày 15/11/2005 ông được địa chính xã xác nhận hiện trạng lô đất có trồng dừa và được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận nội dung chuyển nhượng. Ngày 26/01/2006, ông tiếp tục nhận chuyển nhượng của ông K D1 (cư trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ) một thửa đất có 100m² đất thổ cư và 400m² đất vườn; cùng ngày ông được địa chính xã và Ủy ban nhân dân xã xác nhận về nội dung chuyển nhượng. Đây là tài sản riêng của ông G, nhận chuyển nhượng sau thời điểm vợ của ông là bà Từ Thị Thu V chết vào ngày 22/3/2003.

Từ năm 2005 và 2006, ông G tiếp tục chăm sóc cây Dừa cao sản và trồng cây Sả trên diện tích này. Khi Nhà nước giải tỏa để xây dựng Công trình thủy điện Đ, toàn bộ nhà, đất sản xuất và cây trồng trên đất bị giải tỏa hết (đất nằm trọn trong lòng hồ), gia đình ông phải tạm thời cư trú tại địa phương khác.

Khi đi đo đạc, kiểm đếm đất đai vào năm 2009, gia đình ông có các thửa đất bao gồm: Thửa đất số 92A, tờ bản đồ số 12, diện tích 547m², trên đất có căn nhà tạm diện tích 7,8m x 5,6m = 43,68m²; thửa số 182, diện tích 37.708m²; thửa số 189, diện tích 28.045m² và thửa số 183, diện tích 24.912m² đều thuộc tờ bản đồ số 7; thửa đất số 40, tờ bản đồ số 19, diện tích 9.702m². Trên các thửa đất này ông có trồng dừa cao sản, đến tuổi trưởng thành số lượng là 189.342 bụi và trồng sả diện tích là 22.000m². Các thửa đất trên ông đã được bồi thường tiền đất nông nghiệp theo quy định, riêng các cây trồng là sả và dừa thì chưa được bồi thường.

Ngày 22/11/2010, ông có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và được Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chỉ đạo các cơ quan phải thực hiện bồi thường cho ông nhưng Hội đồng đền bù huyện Đ nêu rất nhiều lý do và qua nhiều năm khiếu nại, cho đến nay ông vẫn chưa được bồi thường. Việc chậm bồi thường có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính là đất tái định cư không có, Ủy ban nhân dân tỉnh C ban hành đơn giá cây trồng là D2 và sả. Ngày 27/10/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh M ban hành Quyết định số: 22/2020/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số: 08/2019/QĐ- UBND ngày 18/3/2019 về việc quy định giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh, quyết định này mới có đơn giá cây dừa và cây sả.

Sau rất nhiều đơn khiếu nại, kiến nghị gần đây nhất Ủy ban nhân dân huyện Đ có Văn bản số 916/UBND-BTCD, ngày 30/3/2022 về việc giải quyết kiến nghị của ông Nguyễn Bình G; Văn bản số: 998/UBND-BQL ngày 06/4/2022 về giải quyết kiến nghị của công dân; Văn bản số: 1166/UBND BTCD ngày 19/4/2022, giao cho B 666 chủ trì phối hợp với Ban quản lý dự án

và phát triển quỹ đất và các cơ quan đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện G, tuy nhiên đến nay Ủy ban nhân dân huyện vẫn chưa giải quyết việc đền bù cho ông.

Do đó, ông khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu Tòa án tuyên: Hành vi không ban hành quyết định bồi thường cây cối hoa màu và giao đất tái định cư cho ông là trái pháp luật; buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ ra quyết định bồi thường cây cối hoa màu và giao đất tái định cư cho ông theo quy định của Nhà nước, cụ thể: Giao cho ông một lô đất ở không thu tiền sử dụng đất, bồi thường cho ông 189.342 bụi dừa đã trưởng thành và diện tích sả là 22.000m² đến giai đoạn thu hoạch theo bảng giá do Ủy ban nhân dân tỉnh B năm 2020.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:

*Về nội dung bồi thường đối với cây cối, hoa màu.

Dự án thủy điện Đ được thực hiện trên địa bàn xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Về chủ trương đầu tư thực hiện dự án, ngày 14/7/2003 Thủ tướng Chính phủ có Văn bản số: 933/CP-VN cho phép đầu tư dự án thủy điện Đ và Đ; Ngày 26/8/2004 Bộ C1 có Quyết định số: 2239/QĐ-NLTK về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thủy điện Đ.

Ngày 31/10/2005, Ban Q (đại diện chủ đầu tư) ký hợp đồng với Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Đ để thực hiện công tác kiểm kê, điều tra hiện trạng đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong khu vực thu hồi đất, giải tỏa để xây dựng dự án thủy điện Đ.

Ngày 19/12/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số: 1907/QĐ- UBND về việc thu hồi tổng thể 1.264ha đất của các chủ sử dụng, thuộc khu vực quy hoạch xây dựng lòng hồ dự án thủy điện Đ.

Căn cứ trên cơ sở Hợp đồng thực hiện công tác bồi thường và các quy định có liên quan; năm 2009, Tổ công tác của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng huyện Đ đã tiến hành lập Biên bản điều tra hiện trạng đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất trong khu vực giải tỏa xây dựng công trình thủy điện Đ, cụ thể như sau:

- Đối với các loại cây trồng trên các thửa đất số 92A, tờ bản đồ 12 và thửa đất số 40, tờ bản đồ số 19 đã được lập phương án bồi thường hỗ trợ và phê duyệt tại các Quyết định số: 2379/QĐ-UBND, ngày 09/9/2010 và bổ sung tại Quyết định số: 2473/QĐ-UBND, ngày 07/10/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Đ.

- Đối với các thửa đất số 182, tờ bản đồ số 07, diện tích 37.708m²; thửa đất số 189, tờ bản đồ số 07, diện tích 28.045m²; thửa đất số 183, tờ bản đồ số 07, diện tích 24.912m²; tài sản trên đất gồm có cây trồng là: 175.342 bụi dừa cao sản đến tuổi trưởng thành và 20.000m² Sả sấp thu (*phần diện tích đất trong ranh ngập lòng hồ của công trình thủy điện Đ*). Các thửa đất số 182, tờ bản đồ số 07, diện tích 13.661m² và thửa đất số 183, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.645m²; tài sản trên đất gồm có 14.000 bụi Dừa cao sản sấp thu và 2.000 m² Sả trồng sấp thu (trồng xen), (*phần diện tích trên ranh ngập lòng hồ của công trình thủy điện Đ*).

Theo hồ sơ thì vị trí đất bị thu hồi của ông Nguyễn Bình G tại các thửa đất nêu trên chủ thể quyền sử dụng đất thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Đùng quản lý (hiện nay là Vườn Quốc gia T) nên không đủ điều kiện bồi thường về đất, mà chỉ đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định.

Đối với việc bồi thường, hỗ trợ về cây trồng trên đất:

Căn cứ vào các quy định tại thời điểm thu hồi đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xây dựng công trình thủy điện Đ đối với hộ ông Nguyễn Bình G; theo đó tại Điều 18 Nghị định số: 197/2004/NĐ-CP, ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định nguyên tắc bồi thường về tài sản như sau:

“Điều 18: Nguyên tắc bồi thường về tài sản

1. Chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất mà bị thiệt hại, thì được bồi thường.

2. Chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất mà đất đó thuộc đối tượng không được bồi thường thì tùy từng trường hợp cụ thể được bồi thường hoặc hỗ trợ tài sản.

3. Nhà, công trình khác gắn liền với đất được xây dựng sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất công bố mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép xây dựng thì không được bồi thường.

4. Nhà, công trình khác gắn liền với đất được xây dựng sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà tại thời điểm xây dựng đã trái với mục đích sử dụng đất đã được xác định trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được xét duyệt thì không được bồi thường.

5. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập sau khi có quyết định thu hồi đất được công bố thì không được bồi thường.

6. Hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất có thể tháo dỡ và di chuyển được, thì chỉ được bồi thường các chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt và thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt; mức bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với pháp luật hiện hành và thực tế ở địa phương.”

Mặt khác, theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Luật Đất đai năm 2003, quy định khi Nhà nước thu hồi đất, người bị thu hồi đất không được bồi thường về tài sản trong các trường hợp sau đây:

“2. Khi Nhà nước thu hồi đất, người bị thu hồi đất không được bồi thường về tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản gắn liền với đất được tạo ra tại khu vực đất bị thu hồi hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được công bố mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

b) Tài sản gắn liền với đất được tạo ra trước khi có quyết định thu hồi đất mà trái với mục đích sử dụng đất đã được xác định trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại thời điểm xây dựng công trình đó;

c) Đất bị thu hồi thuộc các trường hợp quy định tại các khoản 4, 6, 7 và 10 Điều 38 của Luật này.”

Như vậy, vị trí đất thu hồi của ông Nguyễn Bình G thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Đùng quản lý nên không đủ điều kiện bồi thường về đất. Đối với các loại cây trồng được trồng trên đất thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Đùng quản lý (nay là *Vườn Quốc gia T*) là thuộc quy hoạch đất Lâm nghiệp. Theo hồ sơ bồi thường hộ ông Nguyễn Bình G1 tại vị trí các thửa đất thu hồi nói trên hộ gia đình trồng chuyên canh cây dứa và cây sả với diện tích lớn, tập trung, không phù hợp với mục đích sử dụng trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại thời điểm thu hồi đất; do đó cây trồng trên đất không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Công trình thủy điện Đ được khởi công và bắt đầu thi công xây dựng một số hạng mục của công trình từ năm 2004, trước thời điểm quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (tại Quyết định số: 1907/QĐ-UBND về việc thu hồi tổng thể 1.264 ha đất của các chủ sử dụng, thuộc khu vực quy hoạch xây dựng lòng hồ dự án thủy điện Đ) nên các hộ gia đình mới trồng cây Dứa, cây Sả với diện tích lớn, tập trung trong khu vực thu hồi đất để thực hiện dự án. Hiện nay, liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ đối với cây Dứa thuộc dự án thủy điện Đ, ngoài trường hợp của ông Nguyễn Bình G, còn liên quan đến khoảng 30 hộ gia đình trồng cây Dứa và khoảng hơn 70 hộ gia đình trồng cây Sả với diện tích hơn 200 ha trên đất thuộc Khu B quản lý (nay là *Vườn Quốc gia T*) và thuộc Trám thực nghiệm Lâm sinh Đắc PLao quản lý. Trong đó, theo quy định về đơn giá cây trồng hiện nay theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ tổng số tiền bồi thường cây Dứa dự kiến khoảng 13 tỷ đồng. Đối với cây S, theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về đơn giá bồi thường cây trồng hiện nay không có đơn giá của cây S. Các hộ dân này trồng cây dứa và cây S tập trung với diện tích lớn, trồng trên đất quy hoạch đất lâm nghiệp không phù hợp với quy hoạch kế hoạch sử dụng đất cũng như thực tế canh tác, sản xuất nông nghiệp tại địa phương. Vậy để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các hộ gia đình, cá nhân cũng như, tránh việc bồi thường, hỗ trợ sai quy định gây thất thoát cho ngân sách nhà nước, kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Nông xem xét.

**Về nội dung giao đất tái định cư.*

Căn cứ hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình thủy điện Đ; ngày 11/7/2012, Ủy ban nhân dân xã Đ đã có Tờ trình số: 30/TTr-UBND, đề nghị phê duyệt danh sách các hộ dân đủ điều kiện cấp nhà ở tái định cư và các hộ không đủ điều kiện cấp nhà được cấp đất 400m² đất ở. Theo đó, hộ ông Nguyễn Bình G thuộc trường hợp không đủ điều kiện nhận nhà tái định cư mà được cấp lô đất 400m² để ở.

Ngày 05/7/2019, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số: 1269/QĐ-UBND, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số: 02/PA-BQL, ngày 24/4/2019 của Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất, Công trình thủy điện Đ, Hạng mục: Tái định cư. Theo đó, hộ ông Nguyễn Bình G thuộc trường hợp được bố trí tái định cư lô đất 400m² theo Thông báo số:

116/TB-UBND, ngày 12/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (không đủ điều kiện bố trí nhà ở tái định cư).

Quá trình thực hiện việc bố trí tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án thủy điện Đ: Do sau khi thu hồi đất, hộ ông Nguyễn Bình G không chuyển về sinh sống tại Khu tái định cư tại xã Đ mới nên chưa được thực hiện các thủ tục bốc thăm, giao đất tái định cư theo danh sách.

Trên cơ sở Quyết định số: 1269/QĐ-UBND, ngày 05/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện và thực tế quỹ đất tái định cư thì đối với lô đất 400m² còn lại tại khu T định cư xã Đ, công trình thủy điện Đ; Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo Ban quản lý, giải quyết các tồn tại vướng mắc công trình thủy điện Đ 3&4 chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan làm việc với hộ gia đình và thực hiện các thủ tục bố trí lô đất ở 400m² cho hộ gia đình ông G theo quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 11/2024/HC-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định như sau:

1/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bình G.

Hành vi của Ủy ban nhân dân huyện Đ không ban hành quyết định giao đất tái định cư cho ông Nguyễn Bình G là trái pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông thực hiện nhiệm vụ, công vụ để giải quyết đất tái định cư cho ông G theo đúng quy định pháp luật.

2/Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bình G về việc tuyên hành vi của Ủy ban nhân dân huyện Đ không ban hành quyết định bồi thường cây cối hoa màu cho ông G là trái pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/4/2024 người khởi kiện ông Nguyễn Bình G kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ thực hiện việc bồi thường hỗ trợ đối với cây trồng trên phần đất bị thu hồi. Người bị kiện không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện phát biểu: Theo Quyết định số: 1907/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thì chỉ có 1,4ha đất nông nghiệp, còn lại mới là đất lâm nghiệp. Khi Ủy ban nhân dân thực hiện việc kiểm đếm thì trên đất có cây dứa, cây sả đã trưởng thành. Năm 2021 Ủy ban nhân dân huyện ra rất nhiều quyết định bồi thường cho nhân dân trong vùng, giống như đất của hộ ông G, nhưng riêng ông G thì Ủy ban nhân dân cho rằng số lượng cây trồng nhiều, trồng không có quy hoạch, không có hợp đồng với Vườn quốc gia nên không bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông G, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày: Quyền sử dụng đất không phải của ông G, đây là phần đất thuộc Vườn quốc gia nên Ủy ban nhân dân không thể thực hiện việc bồi thường cây trồng trên đất bị thu hồi cho ông G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

- Về nội dung: Ông G kháng cáo yêu cầu Ủy ban nhân dân thực hiện bồi thường phần hoa màu trên đất bị thu hồi vì cho rằng đất là đất nông nghiệp, trên đất trồng cây ngắn ngày. Trong khi đó, Ủy ban nhân dân cho rằng đất thu hồi là đất lâm nghiệp, đất thuộc vườn quốc gia T quản lý, nên không thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ. Do vậy, để có căn cứ để xác định phần diện tích đất bị thu hồi của ông G thuộc loại đất gì, có thuộc đất thuộc khu bảo tồn hay không, cần phải thu thập thêm tài liệu chứng cứ. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho hoãn phiên tòa để Ủy ban nhân dân cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Bình G làm trong thời hạn quy định pháp luật nên hợp lệ.

[2] Quá trình bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện Đ khi thu hồi đất để thực hiện dự án Công trình thủy điện Đ 3&4 như sau:

Ngày 14/7/2003 Thủ tướng Chính phủ có Văn bản số: 933/CP-CN về việc cho phép đầu tư dự án Thủy điện Đ;

Ngày 13/11/2007 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 1882/QĐ-CTUBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư xây dựng Công trình thủy điện Đ trên địa bàn huyện Đ;

Ngày 19/12/2007 Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số: 1907/QĐ-UBND về việc thu hồi tổng thể 1264 ha đất của các chủ sử dụng thuộc khu vực quy hoạch xây dựng lòng hồ Công trình thủy điện Đ (giai đoạn 1).

Vào các ngày 28/8/2008, 04/12/2008 và ngày 26/8/2009, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng huyện Đ đã lập các biên bản điều tra hiện trạng đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất trong khu vực giải tỏa đối với ông Nguyễn Bình G. Theo đó, tại thời điểm điều tra, ông G bị thu hồi các phần đất sau:

- Thửa đất số 92A, tờ bản đồ số 12, trong đó có 400m² đất ở và 147m² đất trồng cây lâu năm, trên đất có 01 nhà ở xây dựng năm 2005 và một số loại cây trồng;

- Thừa đất số 40, tờ bản đồ số 19, diện tích 9.702m² đất trồng cây lâu năm, trên đất đào ao nuôi cá và một số loại cây trồng;

- Các thửa số 182, diện tích 37.708m²; thửa số 189, diện tích 28.045m² và thửa số 183, diện tích 24.912m² đều thuộc tờ bản đồ số 7, trên đất có 189.342 bụi Dừa cao sản đến tuổi trưởng thành và 22.000m² cây Sả sắp thu.

Ngày 23/02/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số: 05/2010/QĐ-UBND “về việc ban hành Quy định hướng dẫn cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông”. Ngày 01/3/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số: 12/2011/QĐ-UBND “về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 05/2010/QĐ-UBND ngày 23/02/2010”.

Căn cứ vào các quyết định trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành các Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 09/9/2010, Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 07/10/2011 “về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình thủy điện Đ. Hạng mục: Lòng hồ thủy điện Đ. Thôn A và thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông”. Theo các quyết định này, ông Nguyễn Bình G được bồi thường giá trị quyền sử dụng của 05 thửa đất nêu trên với tổng diện tích là 100.914m²; bồi thường giá trị của 01 Nhà ở, 01 Ao cá, các cây trồng trên đất gồm Cà phê, Cà ri, Ổ, Điều và C; riêng các cây trồng gồm D2 và sả thì ông G chưa được bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 11/7/2012, Ủy ban nhân dân xã Đ có Tờ trình số 30/TTr-UBND “về việc đề nghị phê duyệt danh sách các hộ dân đủ điều kiện cấp nhà ở tái định cư và các hộ không đủ điều kiện cấp nhà được cấp đất 400m² đất ở”. Theo tờ trình này, ông Nguyễn Bình G không đủ điều kiện cấp nhà nhưng được cấp 400m² đất ở.

Ngày 05/7/2019, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số: 1269/QĐ-UBND “về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình thủy điện Đ”. Theo quyết định này, hộ ông Nguyễn Bình G (bị thu hồi nhà ở và đất ở) đủ điều kiện bố trí tái định cư.

[3] Xét, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã thu hồi toàn bộ diện tích đất của ông Nguyễn Bình G nằm trong dự án. Theo nội dung tại các quyết định trên thì Ủy ban nhân dân huyện Đ đã ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Bình G đối với quyền sử dụng đất nhưng chưa ban hành quyết định giao (*hoặc không giao*) đất tái định cư cho ông G. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Ủy ban nhân dân huyện Đ xác nhận ông Nguyễn Bình G đủ điều kiện giao 400m² đất tái định cư, tuy nhiên do quỹ đất đã hết nên Ban 666 đang xem xét tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện K nào có đất sẽ bố trí giao đất cho ông G. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện này của ông G và buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ phải thực hiện nhiệm vụ công vụ để giải quyết đất tái định cư cho ông G theo đúng quy định pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu về việc bồi thường hoa màu trên đất: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện vị trí đất của ông Nguyễn Bình G bị thu

hồi thuộc Khu B (nay là Vườn Quốc gia T) quản lý. Ông G trồng dưa và sả trên đất thuộc quy hoạch đất Lâm nghiệp với diện tích lớn, không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Tại thời điểm điều tra, kiểm đếm tài sản thì trên đất của ông G bị thu hồi hiện đang có 189.342 bụi D2 đã trưởng thành và diện tích 22.000m² cây Sả sắp thu.

Theo quy trình chuẩn của Bộ N cũng như nội dung tại Văn bản số: 577/SNN-TTBVT ngày 28/3/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đ thì thời gian để cây Dưa cho thu hoạch khoảng 14-16 tháng, chu kỳ sinh trưởng từ 3-4 năm; Đối với cây Sả thì thời gian cho thu hoạch khoảng 3-4 tháng, chu kỳ sinh trưởng từ 12-15 tháng. Ông G xác định thời điểm ông bắt đầu trồng dưa và sả là từ năm 2006 những đến các ngày 09/4/2012 và 21/6/2012, Ủy ban nhân dân huyện Đ mới ban hành các Quyết định số 705/QĐ-UBND và 1933/QĐ-UBND thu hồi các thửa đất của ông G. Vậy tại thời điểm lập phương án bồi thường đối với các diện tích đất của ông G thì cây dưa và sả đã cho thu hoạch nên Hội đồng bồi thường không lập Phương án bồi thường đối với cây dưa và sả là có căn cứ. Do ông G không đủ điều kiện được bồi thường, Hội đồng bồi thường không lập Phương án bồi thường nên Ủy ban nhân dân huyện Đ không ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường là đúng quy định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện này của ông Nguyễn Bình G là có căn cứ.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

I/Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Bình G;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;

Áp dụng Luật đất đai năm 2003, 2013; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số: 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bình G.

Hành vi của Ủy ban nhân dân huyện Đ không ban hành quyết định giao đất tái định cư cho ông Nguyễn Bình G là trái pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông thực hiện nhiệm vụ, công vụ để giải quyết đất tái định cư cho ông G theo đúng quy định pháp luật.

2/Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bình G về việc tuyên hành vi của Ủy ban nhân dân huyện Đ không ban hành quyết định bồi thường cây cối hoa màu cho ông G là trái pháp luật.

3/Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Bình G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), hoàn trả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002176 ngày 08/5/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- NKK (1);
- NBK (1);
- NLQ (1);
- Lưu (10) 18b (Án BDA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Cầu